

GIỚI THIỆU SÁCH

NHO GIÁO ĐẠO HỌC TRÊN ĐẤT KINH KỲ

(Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội)

Nguyễn Mạnh Cường, Nguyễn Thị Hồng Hà,
Nxb Văn hóa - Thông tin & Viện Văn hóa,
2007, 495 tr.

Cho đến nay, đã có nhiều công trình viết về đề tài giáo dục của Việt Nam. Nhưng với mong muốn có một tác phẩm bao quát nền giáo dục của Việt Nam trong lịch sử cũng như hiện tại, hai tác giả Nguyễn Mạnh Cường và Nguyễn Thị Hồng Hà đã công phu sưu tập tài liệu, nghiên cứu và cho ra mắt bạn đọc cuốn *Nho giáo đạo học trên đất kinh kì (Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội)*.

Đạo học, theo các tác giả, là thuật ngữ bao hàm nhiều ý nghĩa. Đạo có nghĩa là con đường, song cũng là một từ chỉ tâm linh mang ý nghĩa tôn giáo. Học là một từ chỉ sự cố gắng, nỗ lực trong quá trình rèn luyện trí, tài, nhân cách của con người. Do vậy, Đạo học là giáo dục, nhưng không chỉ đơn thuần là Nho giáo, mà còn là nền giáo dục Việt Nam từ xa xưa cho đến ngày nay.

Nội dung cuốn sách chia làm 8 chương trình bày vấn đề giáo dục của đất kinh kì Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội nghìn năm văn hiến.

Chương 1 của cuốn sách đề cập đến vấn đề *Nho giáo có phải là một tôn giáo? và những tác động của nó vào "Đạo học" ở Việt Nam*. Từ những dẫn chứng về quá trình hình thành và phát triển của Nho giáo ở Việt Nam qua nhân quan của nhà truyền giáo Châu Âu A.de. Rhodes, một số nội dung học thuyết của Khổng Tử, các di tích lịch sử văn hóa của Việt Nam,... các tác giả cho rằng Nho giáo là một tôn giáo xuất thế dựa trên nền tảng giáo dục. Do đó, có thể coi Nho giáo là một Đạo học. Chính Đạo học ấy đã có ảnh hưởng mạnh mẽ đến đời sống chính trị, xã hội không chỉ ở Trung Hoa mà còn ở một số quốc gia xung quanh như Việt Nam, Nhật Bản, Triều Tiên, v.v...

Sự ảnh hưởng của Nho giáo (Hán học) vào nền Đạo học Việt Nam xuất hiện từ thời Triệu Đà và sâu đậm nhất là vào thời Sĩ Nhiếp (hiện nay vẫn còn chứng tích tại đền thờ Sĩ Nhiếp, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh). Đến các thế kỉ XVIII - XIX, Nho giáo có sự suy vong. Từ đầu thế kỉ XX, nhất là từ sau năm 1945, cùng với sự phát triển của chữ Quốc ngữ, nền giáo dục Nho giáo hầu như không còn vai trò đáng kể trong đời sống xã hội Việt Nam.

Chương 2 giới thiệu về *Nghi án Hồ Dâm Đàm và những điều lịch sử còn bỏ ngỏ trên đất "Rồng bay"*. Nội dung chương này đề cập chủ yếu đến vấn đề xung đột Nho - Phật các thời kì Lý - Trần - Hồ, với những sự kiện cụ thể như: nghi án trên Hồ Tây, sự cải cách của Hồ Quý Ly, v.v...

Các chương 3, 4 và 5 của cuốn sách nói về *Lịch sử hình thành và phát triển của Văn Miếu; Về chế độ thi cử Nho giáo*, và về danh sách các tiến sĩ còn lưu danh trên

văn bia trong Văn Miếu - Quốc Tử Giám của mảnh đất kinh kì.

Văn Miếu - Quốc Tử Giám là một di tích lịch sử, là niềm tự hào nghìn năm văn hiến của Việt Nam. Văn Miếu cũng là biểu tượng của một nền giáo dục, là trường đại học đầu tiên của nhà nước phong kiến tự chủ, nơi đào tạo nhiều tiến sĩ trong lịch sử giáo dục Việt Nam. Do vậy, Văn Miếu - Quốc Tử Giám là nơi lưu giữ các tấm bia lưu danh tiến sĩ Nho học qua các thời kì. Tấm bia đầu tiên tại Văn Miếu là tấm bia Đại Bảo Tam Niên. Đến nay, tại đây còn lại 82 tấm bia tiến sĩ. Ngoài ra, cuốn sách còn giới thiệu *Danh sách các vị quan tế tửu và tư nghiệp tại Quốc Tử Giám*, và *Danh sách 313 tiến sĩ Nho học trên đất kinh kì (xếp theo thứ tự a,b,c...)*. Tuy nhiên, đây chưa phải là con số cuối cùng về các tiến sĩ dưới thời phong kiến của Việt Nam.

Trong chương 6, các tác giả trình bày về vấn đề *Đạo học Việt Nam trước những cú hích của lịch sử, nhất là vấn đề chữ viết*. Cụ thể, các tác giả giới thiệu về lịch sử ra đời và phát triển của chữ Nôm và chữ Quốc ngữ. Đề cao tinh thần dân tộc, ông cha ta xưa kia đã sáng tạo ra chữ Nôm trên cơ sở của chữ Hán (được coi là chữ ngoại lai). Từ năm 1945 trở về sau, chữ Nôm bị tàn lụi dần, thay vào đó là chữ Quốc ngữ. Chữ Quốc ngữ được phát triển mạnh mẽ sau Cách mạng Tháng Tám, và cho đến nay đã có nhiều lần sửa đổi, cải cách để phong phú hơn và tiện dụng hơn. Sự cố gắng nhọc nhằn của ông cha xưa kia, và sự tiếp bước của các thế hệ con cháu sau này trên con đường đi tìm chữ viết cho dân tộc, chữ Quốc ngữ, đã làm nên nền Đạo học mang đặc trưng dân tộc vừa hiện đại vừa truyền thống.

Đạo học Việt Nam trước những thách thức của nền kinh tế thị trường và sự tác động của kinh tế thị trường vào nền Đạo học nước nhà được trình bày trong 2 chương cuối (chương 7, chương 8) của cuốn sách.

Giáo dục Việt Nam trong nền kinh tế thị trường cũng chịu tác động của tính hai mặt của nền kinh tế thị trường. Mặt tích cực là thúc đẩy kinh tế, giáo dục phát triển, đồng thời mặt trái cũng bộc lộ và khó có thể kiểm chế. Để có thể nhìn nhận một cách đúng đắn về nền giáo dục của nước ta, các tác giả đã nêu ra những dẫn chứng về bức tranh giáo dục Việt Nam thời mở cửa, về sự chuẩn hóa giáo dục nhất là đào tạo sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ). Đồng thời, các tác giả đưa ra những nhận định riêng về sự đổi mới giáo dục Việt Nam hiện nay để thấy được sự tác động của kinh tế thị trường vào vấn đề giáo dục, nhất là đào tạo sau đại học. Bên cạnh đó, cuốn sách còn đề cập đến các vấn đề mới của nền giáo dục Việt Nam hiện nay như sự thay thế của truyền thống hiếu học với tính chất què hương, dòng họ trước đây bằng quan điểm học tập để "thăng quan tiến chức". Cuối cùng, cuốn sách nêu lên một số báo động về công tác đào tạo tiến sĩ Việt Nam thời mở cửa.

Nguyễn Thị Quế Hương

**SÁCH MỚI NHẬP VỀ THƯ VIỆN
VIỆN NGHIÊN CỨU TÔN GIÁO**

CÀNH VÀNG

James George Frazer.

Ngô Bình Lâm dịch.- H.: Văn hóa Thông tin &
Tập chí Văn hóa Nghệ thuật, 2007.- 1127 tr.

James Frazer là người theo tiến hóa luận trong văn hóa. Ông đã áp dụng sơ đồ phát triển của tư duy nhân loại mà nhà triết học Pháp A. Comte đã thực chứng đó là *ma thuật – tôn giáo và khoa học*, vào trong nghiên cứu sự tiến triển của tư duy nhân loại. Bước ngoặt quan trọng nhất trong nghiên cứu đó là *từ tư duy ma thuật chuyển sang tư duy tôn giáo* thông qua các tư liệu huyền thoại, cổ tích, truyền thuyết, phong tục tập quán, lễ hội do các tu sĩ, các nhà thám hiểm, người thực dân, nhà khoa học, người du lịch thu nhập từ tất cả các nơi trên thế giới. Với phương pháp khoa học và tinh thần trách nhiệm, ông đã sắp xếp được những tư liệu hỗn mang vô trật tự vào trật tự của mô hình khoa học của mình, minh bạch hóa những vùng bầy lâu còn tăm tối trong nhận thức của con người. Tất cả những đặc sắc này ông đã thể hiện trong tác phẩm lớn, để đời của mình là *Cành vàng*.

Cành vàng là một tác phẩm vĩ đại được tác giả biên soạn từ 1890 đến năm 1907 gồm 15 tập và đến năm 1922 thì được rút gọn lại thành một tập. Có thể nói, *Cành vàng* là một bách khoa thư về đời sống văn hóa nguyên thủy của nhân loại. Nội dung cuốn sách bao gồm 69 chương trình bày về các chủ đề khác nhau trong cuộc sống xa xưa của nhân loại như: sự ra đời, cuộc sống, cái chết, sự bất tử, tôn giáo,... Qua *Cành vàng*, chúng ta biết thêm về những lễ hội, những phong tục tập quán, tín ngưỡng tôn giáo từ xưa của nhiều vùng khác nhau trên thế giới được tác giả giới thiệu trong các câu chuyện huyền thoại, cổ tích, truyền thuyết, cụ thể về các câu chuyện huyền thoại, hay ma thuật như: Ông vua của rừng, ma thuật giao cảm, ma thuật và tôn giáo, những ông thánh sống, các ông vua của La Mã và Albe, huyền thoại về Adonis hay huyền thoại về thần Balder,... các tập tục, kiêng kỵ, các lễ hội, nghi lễ như: tục thờ cúng cây cối, tàn dư việc thờ cúng cây cỏ ở Châu Âu hiện đại, lễ cưới thần thánh, lễ thờ cúng cây sồi, những vật bị cấm kỵ, nghi lễ thờ Adonis, những lễ hội về lửa ở Châu Âu, v.v...

**HUYỀN TÍCH THÁNH MẪU LIỄU HẠNH VÀ
DI SẢN VĂN HÓA - LỄ HỘI PHỦ DÂY**

Hồ Đức Thọ.

- H.: Văn hóa Thông tin,
2006.- 235 tr.

Huyền tích Mẫu Liễu, là sự ngưỡng mộ dân gian nguyên thủy, với sự tiếp nhận văn hóa nhân loại, sự sàng lọc và cả sự đấu tranh với khuynh hướng “vọng ngoại” để trở thành một tín ngưỡng nội địa, song song tồn tại với các tôn giáo ngoại lai trong xã hội Việt Nam từ trước đến nay.

Huyền Tích Thánh Mẫu Liễu Hạnh và di sản văn hóa lễ hội Phủ Dầy, được trình bày qua 4 chương. Chương 1- Đồi điều về địa linh Thiên Bản. Chương 2- Huyền tích và tín ngưỡng Thánh Mẫu Liễu Hạnh trong dân gian. Chương 3- Di sản văn hóa trên quần thể di tích Phủ dầy. Chương 4- Lễ hội Phủ Dầy.

Trong chương một, tác giả giới thiệu về *Đồi điều về địa linh Thiên Bản*, với nhiều sự kiện đáng nhớ, hiện còn lưu trên các tấm bia đá, hoặc ngôi chùa cổ trên đất Vụ Bản – Nam Định, như chùa Ngô Xá, Cổ tự Hồ Sơn, đền thờ Thụy Bảo – công chúa triều Trần... Đáng chú trong chương một là tác giả giới thiệu về 6 sự việc nói về cổ tích huyện Thiên Bản tức huyện Vụ Bản: Sự việc thứ nhất là Liễu Hạnh công chúa ở xã An Thái liên quan đến Phủ thờ. Sự việc thứ hai là Thái phi họ Ngô ở thôn Trung Khê, xã Đồng Đới, huyện Thiên Bản. Thứ ba, Miếu Kim Soa thờ Điện Quận Công, ở xã Trung Thành, huyện Vụ Bản. Thứ tư, đền xã Bối Tuyến, huyện Thiên Bản, thờ Cường Bạo Đại Vương. Thứ năm, đền Tam Ranh (Đồng Mông), thuộc xã Bảo Ngũ (xã Quang Trung), huyện Vụ Bản. Thứ sáu, Miếu thờ thần Lữ Gia. Có thể nói, 6 sự kì lạ trên đất Thiên Bản quả là độc đáo, phải chăng chính trên mảnh đất cổ đa dạng địa hình, vùng đất có truyền thống đấu tranh giành độc lập, đã tạo ra những sự lạ, những nhân vật anh hùng của vùng đất linh thiêng này.

Chương hai, tác giả trình bày về *Huyền tích và tín ngưỡng Thánh Mẫu Liễu Hạnh trong dân gian*. Trước hết, tác giả nói qua vài nét về tục thờ Mẫu ở Việt Nam, một nguyên lí có từ thời xa xưa, tín ngưỡng bản địa thuộc Văn Lang, Đại

Cổ Việt. Tiếp theo, tác giả đi sâu, phân tích về huyền tích Thánh Mẫu Liễu Hạnh, qua các di bản được trích lược trong *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, cụ thể Giáng sinh ở Quảng Nạp - Ý Yên; Giáng sinh ở Kẻ Dầy; Tiên Chúa nơi xứ Lạng; Tiên Chúa với Tây Hồ; Tiên Chúa hạ trần ở Kẻ Sỏi - Nghệ An; Tiên Chúa hạ trần ở Phố Cát - Sông Sơn và hiển Thánh. Tín ngưỡng Thánh Mẫu Liễu Hạnh được tôn vinh trong dân gian, đó là việc Thánh Mẫu được suy tôn trong hàng "Tứ bất tử" Việt Nam. Ngoài ra, Thánh Mẫu còn được thể hiện qua các thư tịch - bi kí.

Chương ba, tác giả dành giới thiệu về các di sản văn hóa trên quần thể di tích Phủ Dầy. Di sản văn hóa ở đây bao gồm cả văn hóa vật thể và phi vật thể trên quần thể di tích Phủ Dầy. Có thể kể đến các di tích như: phủ Tiên Hương, phủ Vân Cát, lăng mộ Thánh Mẫu Liễu Hạnh,... đền Đông Công, đền Phủ Bà. Với văn hóa phi vật thể, đó là văn hóa tâm linh, tín ngưỡng tôn giáo, phong tục tập quán... đã in đậm trong tâm khảm của người dân nơi đây, mang đậm sắc thái dân tộc. Trong chương bốn, tác giả giới thiệu vài nét về lễ hội Phủ Dầy, hội Chợ Viềng. Chợ Viềng và Hội Phủ là hai kì lễ hội được đông đảo đồng bào cư dân vùng châu thổ sông Hồng tham dự. Lễ hội này phong phú, đa dạng về thể loại, mang đậm bản sắc dân gian Việt Nam.

TRI THỨC TÔN GIÁO QUA CÁC VẤN NẠN VÀ GIẢI ĐÁP

John Renard.

Lưu Văn Hy và nhóm Trí Tri dịch.
- H.: Tôn giáo, 2005.- 569 tr.

Để gói gọn các truyền thống tôn giáo chính của thế giới vào những vấn nạn và giải đáp trong nội dung cuốn sách này thì quả thật đó là điều không thể so với cả một khối tri thức tôn giáo của loài người. Thêm vào nữa, vì tôn giáo có khả năng bị hiểu lầm và bị châm chích, các chuyên gia khi nghiên cứu về tôn giáo có trách nhiệm tạo ra những cách tiếp cận chủ đề cân bằng. Bởi vậy, tác giả cuốn sách đã cố gắng nêu bật những xu hướng và hạn định trên, trợ giúp độc giả đánh giá tiếp cận với những tri thức mà tác giả đã khảo sát để đưa ra những thông tin vững chắc hơn.

Nội dung chính của sách gồm 4 phần, ngoài ra, tác giả còn giới thiệu *bảng niên đại về các*

sự kiện lớn của thế giới, chủ yếu là tri thức tôn giáo, từ năm 4000 trước công nguyên với sự kiện năm khởi đầu giai đoạn Vệ Đà (Ấn giáo) cho đến năm 2001 với sự kiện dân số thế giới vượt qua sáu tỉ, trong đó Ấn Độ và Trung Quốc chiếm trên 1/3 nhân loại.

Phần đầu là **Bối cảnh chung**, trong đó tác giả giới thiệu về những cách minh định và các phương pháp nghiên cứu tôn giáo như: lịch sử và các nguồn tài liệu; các niềm tin tôn giáo; các dấu hiệu và biểu tượng; thành viên, cộng đồng và tính đa dạng; sự lãnh đạo, quyền lực và tổ chức; nhân vật và quyền lực; những ngày lễ, ngày kỉ niệm thường lệ; các tập tục và lễ nghi của tôn giáo nói chung.

Trong các phần tiếp theo của cuốn sách, tác giả giới thiệu về **Các truyền thống tôn giáo bắt nguồn ở Trung Đông**, đó là Do Thái giáo, Kitô giáo và Hồi giáo. **Các truyền thống tôn giáo bắt nguồn ở Nam Á**, đó là Ấn giáo, Phật giáo. **Các truyền thống tôn giáo bắt nguồn ở Đông Á**, đó là Đạo giáo và các truyền thống của cộng đồng Trung Hoa; Khổng giáo, giới trí thức và truyền thống quân thần Trung Hoa; Thần đạo (Shinto).

Ở mỗi tôn giáo, tác giả trình bày theo một trật tự lô gích như phần Bối cảnh chung với những câu hỏi liên quan trực tiếp đến mọi hoạt động, nghi lễ của tôn giáo và được giải thích rõ ràng cho từng câu hỏi đó. Từ *lịch sử và nguồn gốc* hình thành của mỗi tôn giáo như chúng bắt đầu từ khi nào? và ai là người sáng lập ra tôn giáo đó?; Với *các niềm tin tôn giáo* thì mỗi tôn giáo lại có những câu hỏi sao cho phù hợp với từng tôn giáo, chẳng hạn như có chăng tín điều Kitô giáo? hoặc là có tín điều Hồi giáo không? hay Khổng giáo có được gọi là truyền thống tôn giáo không?...; Phần *các dấu hiệu và biểu tượng* thường là câu: Có bất kì dấu hiệu hay biểu tượng nào để nhận biết ra một người là tín đồ của từng tôn giáo đó? hay là nữ tín đồ Hồi giáo có bị bắt buộc phải mang mạng che mặt không?...; Phần thành viên, cộng đồng và tính đa dạng; Phần sự lãnh đạo, quyền lực và tổ chức; Phần nhân vật và quyền lực; Phần những ngày lễ, ngày kỉ niệm thường lệ; các tập tục và lễ nghi của các tôn giáo truyền thống thế giới.